

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

(A) DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ					
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện
I. LĨNH VỰC: VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (11)					
I.1	Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (04)				
1	1.013794.H61	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
2	1.013795.H61	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
3	1.013793.H61	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
4	1.013792.H61	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
I.2	Lĩnh vực: Gia đình (02)				
5	1.012085.H61	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
6	1.012084.H61	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
I.3	Lĩnh vực: Văn hóa (04)				
7	1.013791.H61	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
8	1.000963.000.00.00.H61	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
9	1.001029.000.00.00.H61	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
10	1.003622.000.00.00.H61	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
I.4	Lĩnh vực: Thể dục thể thao (01)				
11	2.000794.000.00.00.H61	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II. LĨNH VỰC: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (42)					
II.1	Lĩnh vực: Giáo dục trung học (11)				
12	2.001904.H61	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
13	1.005108.H61	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
14	1.012964.H61	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
15	1.012968.H61	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
16	1.012967.H61	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
17	1.012965.H61	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

18	1.012966.H61	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
19	2.002483.000.00.00.H61	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
20	2.002481.000.00.00.H61	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
21	2.002482.000.00.00.H61	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
22	3.000182.000.00.00.H61	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.2	Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên (04)				
23	1.012969.H61	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
24	1.012970.H61	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
25	3.000308.H61	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
26	3.000307.H61	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.3	Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học (06)				
27	1.012963.H61	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
28	1.001639.000.00.00.H61	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
29	1.004563.000.00.00.H61	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
30	1.004552.000.00.00.H61	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
31	2.001842.000.00.00.H61	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
32	1.005099.000.00.00.H61	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.4	Lĩnh vực: Giáo dục mầm non (05)				
33	1.012962.H61	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
34	1.012961.H61	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
35	1.006445.000.00.00.H61	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
36	1.006444.000.00.00.H61	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
37	1.006390.000.00.00.H61	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.5	Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác (06)				
38	1.012971.H61	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
39	1.012975.H61	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
40	1.012972.H61	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
41	1.012974.H61	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
42	1.012973.H61	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
43	3.000309.H61	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.6	Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (06)				

44	1.003702.000.00.00. H61	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
45	1.008950.000.00.00. H61	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
46	1.008951.000.00.00. H61	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
47	1.008725.000.00.00. H61	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
48	1.008724.000.00.00. H61	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
49	1.001622.000.00.00. H61	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
II.7	Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (02)				
50	2.001960.000.00.00. H61	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
51	2.002284.000.00.00. H61	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
II.8	Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ (02)				
52	3.000467.H61	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã; Cơ quan khác
53	3.000468.H61	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã; Cơ quan khác
III. LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (48)					
III.1 Lĩnh vực: Thủy lợi (07)					
54	1.003347.H61	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
55	1.003446.H61	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
56	1.003471.H61	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
57	1.003440.H61	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
58	1.013768.H61	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
59	2.001627.000.00.00. H61	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
60	2.001621.000.00.00. H61	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

III.2	Lĩnh vực: Thú y (01)				
61	1.013997.H61	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.3	Lĩnh vực: Biển và hải đảo (05)				
62	3.000443.H61	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
63	3.000439.H61	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
64	3.000442.H61	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
65	3.000441.H61	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
66	3.000440.H61	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.4	Lĩnh vực: Đất đai (14)				
67	1.013979.H61	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
68	1.013953.H61	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
69	1.013949.H61	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
70	1.013967.H61	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
71	1.013965.H61	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
72	1.013952.H61	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
73	1.013978.H61	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
74	1.013950.H61	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

75	1.013962.H61	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
76	1.012812.H61	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
77	1.012818.H61	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
78	1.012796.H61	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
79	1.012817.H61	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
80	1.012753.H61	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.5 Lĩnh vực: Kiểm lâm (01)					
81	1.012694.H61	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.6 Lĩnh vực: Lâm nghiệp (02)					
82	3.000250.H61	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
83	1.007919.H61	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.7 Lĩnh vực: Thủy sản (03)					
84	1.004478.H61	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
85	1.004498.000.00.00.H61	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
86	1.003956.000.00.00.H61	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.8 Lĩnh vực: Chăn nuôi (02)					

87	1.012837.H61	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
88	1.012836.H61	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.9 Lĩnh vực: Giảm nghèo (05)					
89	3.000412.H61	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
90	1.011608.000.00.00.H61	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
91	1.011607.000.00.00.H61	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
92	1.011606.000.00.00.H61	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
93	1.011609.000.00.00.H61	Công nhận hộ lâm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.10 Lĩnh vực: Môi trường (01)					
94	1.010736.000.00.00.H61	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.11 Lĩnh vực: Quản lý đô thị và phòng, chống thiên tai (02)					
95	1.010092.000.00.00.H61	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đô thị và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
96	1.010091.000.00.00.H61	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đô thị và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.12 Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (01)					
97	1.003434.000.00.00.H61	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.13 Lĩnh vực: Trồng trọt (01)					
98	1.008004.000.00.00.H61	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.14 Lĩnh vực: Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01)					
99	1.004082.000.00.00.H61	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.15 Lĩnh vực: Tài nguyên nước (01)					
100	1.001662.000.00.00.H61	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
III.6 Lĩnh vực: Nông nghiệp (01)					
101	1.003596.H61	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV. LĨNH VỰC: NỘI VỤ (30)					
IV.1 Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước (01)					
102	1.013734.H61	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV.2 Lĩnh vực: Người có công (02)					

103	1.013750.H61	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
104	1.010833.000.00.00.H61	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV.3	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (15)				
105	1.013706.H61	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
106	1.013703.H61	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
107	1.013717.H61	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
108	1.013710.H61	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giám sát cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
109	1.013716.H61	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
110	1.013708.H61	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
111	1.013712.H61	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
112	1.013713.H61	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
113	1.013702.H61	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
114	1.013715.H61	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
115	1.013709.H61	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
116	1.013707.H61	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
117	1.013714.H61	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
118	1.013711.H61	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
119	1.013704.H61	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV.4	Lĩnh vực: Việc làm (02)				
120	1.013725.H61	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
121	1.013724.H61	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV.5	Lĩnh vực: Chính quyền địa phương (04)				
122	1.007433.000.00.00.H61	Thủ tục thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm công tác xã hội công lập (cấp huyện)	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
123	1.007428.000.00.00.H61	Thủ tục đổi tên quỹ (cấp huyện)	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
124	1.007427.000.00.00.H61	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (cấp huyện)	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
125	1.007417.000.00.00.H61	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp huyện)	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IV.6	Lĩnh vực: Tổ chức - Biên chế (06)				
126	1.007416.000.00.00.H61	Thủ tục hội tự giải thể (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
127	1.007415.000.00.00.H61	Thủ tục đổi tên hội (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
128	1.007414.000.00.00.H61	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
129	1.007410.000.00.00.H61	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
130	1.007407.000.00.00.H61	Thủ tục thành lập hội (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

131	1.007405.000.00.00.H61	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp huyện)	Tổ chức - Biên chế (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
V. LĨNH VỰC: DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (12)					
V.1	Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo (10)				
132	1.013796.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
133	1.013797.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
134	1.013798.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIANG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
135	1.012598.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT HUYỆN (CẤP HUYỆN)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
136	1.012584.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
137	1.012582.H61	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
138	1.012585.H61	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
139	1.012590.H61	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
140	1.012592.H61	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
141	1.012591.H61	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
V.2	Lĩnh vực: Công tác dân tộc (02)				
142	1.012223.H61	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
143	1.012222.H61	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VI. LĨNH VỰC: TÀI CHÍNH (34)					
VI.1	Lĩnh vực: Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (01)				
144	2.002668.H61	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VI.2	Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (26)				
145	2.002641.H61	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
146	2.002646.H61	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
147	2.002649.H61	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
148	2.002640.H61	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
149	2.002648.H61	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

150	2.002650.H61	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
151	2.002636.H61	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
152	2.002635.H61	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
153	2.002639.H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
154	2.002637.H61	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
155	2.002645.H61	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
156	2.002644.H61	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
157	2.002643.H61	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
158	2.002642.H61	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
159	2.002638.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
160	2.001958.000.00.00.H61	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
161	1.004979.000.00.00.H61	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
162	1.005377.000.00.00.H61	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
163	1.004982.000.00.00.H61	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
164	1.005277.000.00.00.H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
165	1.005378.000.00.00.H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
166	1.005280.000.00.00.H61	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
167	2.002123.000.00.00.H61	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
168	1.005010.000.00.00.H61	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

169	2.001973.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
170	1.004901.000.00.00. H61	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VI.3 Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (02)					
171	2.002226.000.00.00. H61	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
172	2.002228.000.00.00. H61	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VI.4 Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (05)					
173	2.000575.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
174	1.001266.000.00.00. H61	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
175	1.001570.000.00.00. H61	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
176	2.000720.000.00.00. H61	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
177	1.001612.000.00.00. H61	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VII. LĨNH VỰC: XÂY DỰNG (21)					
VII.1 Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng (06)					
178	1.013227.H61	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
179	1.013228.H61	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
180	1.013229.H61	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
181	1.013225.H61	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
182	1.013232.H61	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

183	1.013226.H61	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VII.2	Lĩnh vực: Nhà ở và công sở (01)				
184	1.012888.H61	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VII.3	Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy (11)				
185	1.009455.000.00.00.H61	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
186	1.009453.000.00.00.H61	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
187	1.009454.000.00.00.H61	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
188	1.009452.000.00.00.H61	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
189	2.001212.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
190	2.001211.000.00.00.H61	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
191	2.001214.000.00.00.H61	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
192	2.001215.000.00.00.H61	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
193	2.001218.000.00.00.H61	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
194	2.001217.000.00.00.H61	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
195	1.003658.000.00.00.H61	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VII.4	Lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (03)				
196	1.008455.000.00.00.H61	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
197	1.002662.000.00.00.H61	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
198	1.003141.000.00.00.H61	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VIII: LĨNH VỰC THUỘC BỘ CÔNG AN (05)					
VIII.1	Lĩnh vực: Đăng ký, quản lý cư trú (02)				

199	1.013314.H61	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
200	1.013313.H61	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích đề ở	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VIII.2 Lĩnh vực: Tổ chức, cán bộ (01)					
201	1.012533.H61	Tuyển chọn Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Tổ chức, cán bộ (Bộ Công an)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
VIII.3 Lĩnh vực: Chính sách (02)					
202	1.012537.H61	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
203	1.012538.H61	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IX. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (62)					
IX.1 Lĩnh vực: Hộ tịch (39)					
204	1.000094.H61	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
205	1.000080.H61	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
206	1.004827.H61	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
207	1.000110.H61	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
208	3.000323.H61	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
209	3.000322.H61	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
210	2.000497.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
211	2.000513.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
212	2.000554.000.00.00. H61	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
213	2.002189.000.00.00. H61	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
214	2.000756.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
215	1.001669.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
216	2.000779.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
217	1.001766.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
218	2.000806.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
219	1.000893.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
220	2.000522.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
221	2.000547.000.00.00. H61	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

222	2.000748.000.00.00. H61	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
223	1.001695.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
224	2.000528.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
225	1.004772.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
226	1.004884.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
227	1.004873.000.00.00. H61	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
228	1.004859.000.00.00. H61	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
229	1.003583.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
230	1.000689.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
231	1.001193.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
232	1.005461.000.00.00. H61	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
233	1.004746.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
234	1.004845.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
235	1.004837.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
236	1.000419.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
237	1.000656.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
238	1.001022.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
239	1.000894.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
240	2.001023.000.00.00. H61	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
241	2.000986.000.00.00. H61	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
242	1.000593.000.00.00. H61	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IX.2	Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật (05)				
243	2.000950.000.00.00. H61	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
244	1.002211.000.00.00. H61	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
245	2.000424.000.00.00. H61	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
246	2.002080.000.00.00. H61	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
247	2.000930.000.00.00. H61	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IX.3	Lĩnh vực: Nuôi con nuôi (05)				
248	1.003005.H61	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
249	2.002349.H61	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
250	2.002363.000.00.00. H61	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

251	2.001263.000.00.00. H61	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
252	2.001255.000.00.00. H61	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IX.4 Lĩnh vực: Chứng thực (10)					
253	2.001008.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
254	2.000992.000.00.00. H61	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
255	2.001009.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
256	2.001406.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
257	2.001016.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
258	2.001019.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
259	2.001035.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
260	2.000942.000.00.00. H61	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
261	2.000927.000.00.00. H61	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
262	2.000913.000.00.00. H61	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
IX.5 Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước (03)					
263	2.002190.000.00.00. H61	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
264	1.005462.000.00.00. H61	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
265	2.002165.000.00.00. H61	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X. LĨNH VỰC: CÔNG THƯƠNG (17)					
X.1 Lĩnh vực: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (01)					
266	1.012568.H61	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X.2 Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01)					
267	2.002620.H61	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X.3 Lĩnh vực: Kinh doanh khí (03)					
268	2.001261.000.00.00. H61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
269	2.001270.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
270	2.001283.000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X.4 Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước (09)					
271	2.000150.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
272	2.000162.000.00.00. H61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
273	2.000181.000.00.00. H61	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
274	2.000615.000.00.00. H61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

275	2.000620.000.00.00. H61	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
276	2.001240.000.00.00. H61	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
277	1.001279.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
278	2.000629.000.00.00. H61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
279	2.000633.000.00.00. H61	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X.5	Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương (01)				
280	2.002096.000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
X.6	Lĩnh vực: An toàn đập, hồ chứa thủy điện (02)				
281	2.001384.H61	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
282	2.000206.H61	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XI. LĨNH VỰC: Y TẾ (18)					
XI.1	Lĩnh vực: Trẻ em (04)				
283	2.001944.H61	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
284	2.001947.H61	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
285	1.004941.H61	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
286	2.001942.H61	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XI.2	Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (04)				
287	1.010941.000.00.00. H61	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
288	1.010940.000.00.00. H61	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
289	1.010939.000.00.00. H61	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
290	1.010938.000.00.00. H61	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XI.3	Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (01)				
291	2.001088.000.00.00. H61	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XI.4	Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (09)				
292	1.014027.H61	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
293	1.014028.H61	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
294	1.013822.H61	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
295	1.013821.H61	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

296	2.000355.000.00.00. H61	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
297	1.001653.000.00.00. H61	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
298	1.001699.000.00.00.00. H61	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
299	1.001731.000.00.00.00. H61	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
300	1.001776.000.00.00.00. H61	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã

XII. LĨNH VỰC: THANH TRA (04)

XII.1 Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo (01)					
301	2.002396.H61	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XII.2 Lĩnh vực: Xử lý đơn thư (01)					
302	2.002501.000.00.00.00. H61	Thủ tục xử lý đơn thư tại cấp xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XII.3 Lĩnh vực: Tiếp công dân (01)					
303	1.010945.000.00.00.00. H61	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
XII.4 Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại (01)					
304	2.002409.000.00.00.00. H61	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Xã
Tổng (A): 304 TTHC					

(B) DANH MỤC TTHC 2 CẤP (TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ CẢ 2 CẤP, CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện
I. LĨNH VỰC: VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (0)					
II. LĨNH VỰC: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (11)					
II.1 Lĩnh vực: Thi, tuyển sinh (01)					
1	1.005090.000.00.00.00. H61	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
II.2 Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (07)					
2	1.002407.000.00.00.00. H61	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
3	1.005144.000.00.00.00. H61	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
4	1.001714.000.00.00.00. H61	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
5	1.000691.000.00.00.00. H61	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
6	1.000280.000.00.00.00. H61	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
7	1.000288.000.00.00.00. H61	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
8	1.005143.000.00.00.00. H61	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
II.3 Lĩnh vực: Kiểm định chất lượng giáo dục (03)					
9	1.000711.000.00.00.00. H61	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
10	1.000713.000.00.00.00. H61	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

11	1.000715.000.00.00. H61	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
III. LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (07)					
III.1 Lĩnh vực: Kiểm lâm (02)					
12	1.000047.H61	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
13	1.000045.000.00.00. H61	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
III.2 Lĩnh vực: Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (02)					
14	1.013040.H61	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
15	1.008603.000.00.00. H61	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
III.3 Lĩnh vực: Tài chính đất đai (03)					
16	1.012994.H61	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
17	1.012996.H61	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
18	1.012995.H61	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
IV. LĨNH VỰC: NỘI VỤ (30)					
IV.1 Lĩnh vực: Người có công (27)					
19	1.013749.H61	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
20	1.010811.000.00.00. H61	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
21	1.010812.000.00.00. H61	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
22	1.010804.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
23	1.010802.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
24	1.010824.000.00.00. H61	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
25	1.010829.000.00.00. H61	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
26	1.010821.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
27	1.010820.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
28	1.010819.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
29	1.010805.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
30	1.010803.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
31	1.010810.000.00.00. H61	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

32	1.010817.000.00.00. H61	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
33	1.010818.000.00.00. H61	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
34	1.010815.000.00.00. H61	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
35	1.010816.000.00.00. H61	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
36	1.010830.000.00.00. H61	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
37	1.010814.000.00.00. H61	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
38	1.010825.000.00.00. H61	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
39	1.010801.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
40	2.002307.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
41	1.001257.000.00.00. H61	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
42	2.002308.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
43	2.001396.000.00.00. H61	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
44	2.001157.000.00.00. H61	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
45	1.004964.000.00.00. H61	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
IV.2 Lĩnh vực: Công chức, viên chức (03)					
46	1.012300.H61	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
47	1.012301.H61	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
48	1.012299.H61	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
V. LĨNH VỰC: DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (0)					
VI. LĨNH VỰC: TÀI CHÍNH (04)					
VI.1 Lĩnh vực: Quản lý công sản (04)					
49	3.000410.H61	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
50	3.000325.H61	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
51	3.000326.H61	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

52	3.000327.H61	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
VII. LĨNH VỰC: XÂY DỰNG (17)					
VII.1	Lĩnh vực: Đường bộ (04)				
53	1.000314.H61	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
54	1.013274.H61	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
55	1.013061.H61	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
56	2.001921.000.00.00. H61	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
VII.2	Lĩnh vực: Hàng hải và đường thủy (13)				
57	1.009447.000.00.00. H61	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
58	1.009465.000.00.00. H61	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
59	1.009444.000.00.00. H61	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
60	2.001659.000.00.00. H61	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
61	1.003930.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
62	1.006391.000.00.00. H61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
63	1.003970.000.00.00. H61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
64	1.004002.000.00.00. H61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
65	2.001711.000.00.00. H61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
66	1.004036.000.00.00. H61	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
67	1.004047.000.00.00. H61	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
68	1.004088.000.00.00. H61	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
69	1.005040.000.00.00. H61	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
VIII. LĨNH VỰC NGÀNH DỤC (0)					
IX. LĨNH VỰC: TƯ PHÁP (05)					
IX.1	Lĩnh vực: Hộ tịch (02)				
70	2.002516.000.00.00. H61	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
71	2.000635.000.00.00. H61	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã

IX.2 Lĩnh vực: Chứng thực (03)					
72	2.000815.000.00.00. H61	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
73	2.000908.000.00.00. H61	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
74	2.000884.000.00.00. H61	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã
X. LĨNH VỰC: CÔNG THƯƠNG (03)					
X.1 Lĩnh vực: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước quản lý (01)					
75	1.012569.H61	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
X.2 Lĩnh vực: An toàn thực phẩm (02)					
76	2.000535.000.00.00. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
77	2.000591.000.00.00. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
XI. LĨNH VỰC: Y TẾ (10)					
XI.1 Lĩnh vực: Tài chính y tế (04)					
78	1.002995.H61	Thanh toán chi phí Khám bệnh, chữa bệnh một số trường hợp giữa cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội	Tài chính y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
79	1.003048.H61	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu	Tài chính y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
80	2.001252.H61	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm	Tài chính y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
81	1.003034.H61	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh	Tài chính y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
XI.2 Lĩnh vực: Trẻ em (02)					
82	1.004944.H61	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
83	1.004946.H61	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
XI.3 Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (03)					
84	2.000477.000.00.00. H61	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác

85	2.000286.000.00.00. H61	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
86	2.000282.000.00.00. H61	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
XI.4	Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội (01)				
87	2.001661.000.00.00. H61	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Tỉnh; Cấp Xã
XII. LĨNH VỰC: THANH TRA (04)					
XII.1	Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng (04)				
88	2.002401.H61	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
89	2.002402.000.00.00. H61	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
90	2.002400.000.00.00. H61	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
91	2.002403.000.00.00. H61	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Vĩnh Long	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác
TỔNG (B): 91 TTHC					
TỔNG (A) + (B): 395 TTHC					

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

[illegible]

[illegible]

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

[illegible]

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	
Công khai	

[illegible]

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

[illegible]

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Tình trạng
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

[illegible]

[illegible]

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai

Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai
Công khai